

Bản án số: 99/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tuyền

Ông Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn T, sinh năm: 1992; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Tr, sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp Q, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2017, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn T trình bày: Chị và bị đơn là anh Trần Tr tự tìm hiểu kết hôn với nhau vào năm 2011, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian, nhưng càng về sau thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị và anh Tr đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và không thể sống chung được nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Tr. Chị T khai trong quá trình chung sống, chị và anh Tr không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng anh Tr đều vắng mặt.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09/10/2017 nhưng anh Tr vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa được mở lại vào ngày 26/10/2017, anh Tr vẫn vắng mặt. Chị T vẫn giữ nguyên

yêu cầu xin ly hôn, chị và anh Tr không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị T trình bày chị và anh Tr đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Anh Trần Tr là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tr.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn T và anh Trần Tr tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tr được coi là hợp pháp.

Theo chị T trình bày thì trong quá trình sống chung, chị T và anh Tr thường bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng lý do là giữa chị T và anh Tr không có con. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Do chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Tòa án đã tiến hành thông báo, tổ chức các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Tr đã bỏ mặc không tham gia. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh Tr đã không có một ý kiến, bỏ mặc cho chị T tự giải quyết, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của anh chị để kéo dài đời sống chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tr.

[3]. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị T khai chị và anh Tr không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ; chị T đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn T được ly hôn với anh Trần Tr.

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận việc chị T khai chị và anh Tr không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011970 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng